

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HS-ST

Ngày: 29-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Sự;

Ông Đoàn Trung Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh năm 1996 tại xã B, huyện G1, tỉnh N; nơi cư trú: Đội A, xóm T, xã B, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29- 01- 2020 đến nay; “có mặt”.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1971; “vắng mặt”.

2. Bà Nguyễn Thị T1; sinh năm 1972; “có mặt”

Đều có địa chỉ: Đội A, xóm T, xã B, huyện G, tỉnh N.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn N (tên gọi khác: Nguyễn Văn Th); sinh năm 1994; “có mặt”.

- Người chứng kiến: Ông Nguyễn Ngọc K; sinh năm 1955; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền tiêu xài cá nhân, ngày 24- 01- 2020, Nguyễn Văn T đã nảy sinh ý định phá kết sắt để trong góc buồng ngủ của ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T1 (là bố mẹ đẻ của T) để lấy trộm tiền tiêu xài. Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 25- 01- 2020 (sáng mùng 1 Tết Canh Tý), T cùng gia đình đến nhà ông Nguyễn Minh Nh (là bác của T) ở đội E, xóm H, xã B để chúc tết. Khi đến nhà ông Nh, bố mẹ T cùng anh trai vào trong nhà ông Nh ngồi chơi, còn T đứng bên ngoài nói chuyện với anh Nguyễn Văn C (là con trai ông Nh). Khoảng 15 phút sau, một mình T điều khiển xe máy BKS 18G1-399.96 quay về nhà bố mẹ với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi về đến nhà, T dựng xe máy ở sân rồi đến phía sau cửa lách dùng tay giật mạnh làm cửa lách mở ra, T vào bên trong nhà lấy chiếc xà cầy bằng kim loại dài khoảng 70 cm của gia đình (do T cất giấu trên gác xép từ trước) đến vị trí để chiếc kết rồi lùa đầu dẹt của xà cầy vào mép của kết sắt bẩy mạnh nhiều lần khoảng 02 phút thì cửa kết sắt bung ra T thấy bên trong có 01 bọc nhỏ bằng túi ni lông trắng. T kiểm tra thấy bên trong toàn bộ là các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (T không đếm có bao nhiêu tiền). T xé túi ni lông màu trắng ra rồi thay vào đó 01 túi ni lông màu đen bọc lấy cọc tiền rồi cất giấu bên trong áo còn chiếc xà cầy T cất giấu trên gác xép của gia đình. Sau đó, T điều khiển xe máy mang bọc tiền vừa trộm cắp được của ông H và bà T1 mang đến cất giấu tại gốc chuối khu vực cổng phụ nhà thờ xứ Phong Lâm, xã Giao Phong, huyện Giao Thủy. Sau đó, T quay lại nhà ông Nh ăn trưa cùng bố mẹ T và gia đình ông Nh. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống ở nhà ông Nh, ông H và bà T1 về nhà thì phát hiện gia đình bị mất số tiền 242.000.000 đồng để trong kết sắt nên đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Giao Thủy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy đã triệu tập Nguyễn Văn T lên làm việc, T đã thừa nhận đã lấy trộm số tiền 240.000.000 đồng của bố mẹ, ngoài ra T không lấy tài sản gì khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy đã thu giữ tại khu vực cổng phụ nhà thờ xứ Phong Lâm, xã Giao Phong, huyện Giao Thủy 01 bọc ni lông màu đen bên trong có số tiền 240.000.000 đồng, toàn bộ tiền có mệnh giá 500.000 đồng; thu giữ tại nhà ông Nguyễn Văn H 01 chiếc xà cầy bằng kim loại dài 70 cm; 01 chiếc kết sắt Việt Tiệp bằng kim loại KT (90x60x45) cm đã hư hỏng và 01 chiếc xe máy Honda BKS 18G1-399.96; thu giữ của T01 điện thoại OPPO A3S màn hình cảm ứng đã qua sử dụng.

Ngày 03- 4- 2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Giao Thủy đã định giá xác định: “01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp bằng kim loại sơn màu xanh-vàng, KT (90x60x45)cm tại thời điểm định giá có trị giá 1.400.000 đồng”.

Bản Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 31- 5- 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như đã nêu trên.

Bị hại bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bà đã nhận lại đầy đủ số tiền 240.000.000 đồng mà bị cáo đã lấy trộm và bị cáo chỉ lấy trộm của vợ chồng bà số tiền là 240.000.000 đồng chứ không phải là 242.000.000 đồng; đối 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp bằng kim loại KT (90x60x45) cm bị cáo đã phá hỏng, gia đình bà cũng đã nhận lại nhưng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Kiểm sát viên luận tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 240.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T1. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 240.000.000 đồng và 01 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã hư hỏng, ông H và bà T1 đã nhận lại đầy đủ, không có yêu cầu gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Bị cáo Nguyễn Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 25- 01- 2020 (tức ngày mùng 1 Tết Canh Tý), Nguyễn Văn T cùng gia đình đến nhà ông Nguyễn Minh Nh ở đội E, xóm H, xã B, huyện G để chúc tết. Sau đó, lợi dụng lúc không có ai ở nhà, một mình T điều khiển xe máy BKS 18G1-399.96 từ nhà ông Nh về nhà ở đội A, xóm T, xã B, huyện G rồi phá cửa lách vào bên trong nhà dùng xà cày bằng kim loại (đã chuẩn bị từ trước) phá cửa két sắt của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T1 (là bố mẹ của T) lấy trộm số tiền 240.000.000 đồng, sau đó mang đi cất giấu tại khu vực cổng phụ nhà thờ xứ Phong Lâm, xã Giao Phong, huyện Giao Thủy. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời đáp ứng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, nhưng do nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên đã trộm cắp tài sản của bố mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 54 của Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 240.000.000 đồng và 01 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã hư hỏng, ông H và bà T1 đã nhận lại đầy đủ, không có yêu cầu gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng, ông H và bà T1 khai bị mất cùng số tiền 240.000.000 đồng, quá trình điều tra không đủ căn cứ để kết luận nên vấn đề xử lý không đặt ra.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô BKS 18G1-399.96 và chiếc điện thoại OPPO A3S đã thu giữ, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội và 01 chiếc xà cày bằng kim loại đã thu giữ là tài sản hợp pháp của ông H, bà T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông H và bà T1 là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm

cấp tài sản”; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 01 năm 2020.

2. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định;
- Công an huyện GiaoThủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Lâm